

Bản án số: 630/2020/DS-PT
Ngày 23 tháng 11 năm 2020
V/v: Đòi lại tài sản; tranh chấp hợp
đồng tặng cho tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2020/TLPT-DS ngày
26 tháng 3 năm 2020 về việc: “Đòi lại tài sản; tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1815/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27897/2020/QĐ-PT ngày 23
tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Võ Quốc L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 28 Đường H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí
Minh.

1.2. Bà Nguyễn Vũ T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 158A, Hương G, L, thị xã B, tỉnh Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của ông L, bà T: Ông Bùi Duy Kh, sinh năm 1976 (có
mặt).

Địa chỉ: Số 4/19 đường 129, khu phố 2, phường A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí
Minh

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn Th, sinh năm 1955

2.2. Bà Võ Nguyễn Kim H, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số 28 Đường H, khu phố 3, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn Th: Luật sư Bùi Khắc T - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thành Th2, sinh năm 1980 – Có mặt;

Người đại diện hợp pháp của ông Thái: Bà Võ Nguyễn Kim H, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Số 28 Đường H, khu phố 3, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 22/4/2019)

3.2. Trẻ Nguyễn Võ Quốc K, sinh năm 2011

3.3. Trẻ Nguyễn Võ Quốc Kh, sinh năm 2014

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Nguyễn Võ Quốc K và Nguyễn Võ Quốc Kh: Ông Nguyễn Thành Th và bà Võ Nguyễn Kim H.

3.4. Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 4 H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phương A - Chuyên viên phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện T, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 22/4/2019), xin vắng mặt.

3.5. Phòng Công chứng số 3, thành phố Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 12 T, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Lệ T

Người kháng cáo: Nguyên đơn Võ Quốc L, Nguyễn Vũ T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Quốc L, bà Nguyễn Vũ T trình bày:

Nhà và đất tại địa chỉ số 28 (số cũ 87C) H, tổ 4, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, số thửa 31-1 tờ bản đồ số 16 do ông Võ Văn Th mua nhà thuộc sở hữu của Nhà nước được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/9/2005.

Ngày 21/11/2005 ông Th lập hợp đồng tặng cho nhà và đất tại số 28 H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho vợ chồng ông L, bà T tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 28/12/2005 Ủy ban nhân dân quận T đã cập nhật sang tên cho ông Võ Quốc L, bà Nguyễn Vũ T. Sau khi được tặng cho nhà và đất ông L vẫn để cho ông Th và bà Võ Nguyễn Kim H ở và sinh hoạt tại căn nhà này. Năm 2012 ông Th chuyển về xã P, huyện L, tỉnh Đ sinh sống. Vợ chồng ông L và

bà T chu cấp tiền hàng tháng cho ông Th sinh sống từ năm 2012. Đến năm 2017 ông L làm thủ tục xin phép xây dựng nhà thì ông Th yêu cầu ông L cho 02 tỷ đồng, ông L không đồng ý nên ông Th quay trở về căn nhà số 28 và cùng với bà H không chịu giao nhà cho vợ chồng ông L. Từ năm 2017 ông Th không còn nhận tiền chu cấp của ông L.

Ông L, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Võ Văn Th và bà Võ Nguyễn Kim H trả lại cho ông nhà và đất tại số 28 H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số H00014 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 29/9/2005, cập nhật sang tên cho ông vào ngày 28/12/2005. Ông L và bà T chấp nhận hỗ trợ cho ông Th và bà H 2 tỷ đồng để ổn định cuộc sống.

Bị đơn ông Võ Văn Th và bà Võ Nguyễn Kim H thống nhất trình bày:

Vào năm 2005 ông Th mua nhà và đất tại số 28(số cũ 87C) H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 59/QĐ-UB ngày 04/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T. Đến ngày 29/9/2005 ông được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì muốn ông L giúp đỡ ông L trong việc làm ăn nên ông Th đã đồng ý cho ông L mượn tài sản là nhà và đất tại số 28 H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, ngày 21/11/2005 ông Th đến phòng công chứng ký giấy tờ cho ông L mượn tài sản trên để vay vốn làm ăn. Tuy nhiên ông L cùng với phòng Công chứng lừa dối ông Th ký hợp đồng tặng cho ông L quyền sử dụng đất số 11631 ngày 21/11/2005 đối với tài sản là nhà và đất tại số 28 H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Th yêu cầu phản tố yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) số 11631 ngày 21/11/2005 tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh và hủy phản cập nhật sang tên cho Võ Quốc L và Nguyễn Vũ T ngày 28/12/2005 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC620882 số vào sổ H00014 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 29/9/2005.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Th có bà Võ Nguyễn Kim H làm đại diện trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà H. Ông Th2 không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại văn bản số 756/CC3 ngày 05/12/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh có bà Nguyễn Thị Lệ Thủy đại diện theo pháp luật có ý kiến:

Việc chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) số 11631 ngày 21/11/2005 giữa ông Võ Văn Th và ông Võ Quốc L, bà Nguyễn Vũ T là hoàn toàn đúng với trình tự, thủ tục luật định. Khi đương sự ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có đầy đủ các giấy tờ xuất trình tại thời điểm ký kết. Theo quy định tại khoản Điều 8 Luật Công chứng thì người yêu cầu công chứng phải có năng lực hành vi dân sự, xuất trình đầy đủ các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó.

Các đương sự khác không có bất kỳ yêu cầu gì. Phòng Công chứng số 3, thành phố Hồ Chí Minh xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Văn bản số 2427/UBND-TNMT ngày 25/5/2018 Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Nhà và đất tại địa chỉ số 28 H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00014 ngày 29/9/2005 cho ông Võ Văn Th với diện tích 161,44m² diện tích xây dựng 131,74m² diện tích sử dụng 115,84m² (mua nhà theo Nghị định 61/CP: Quyết định số 59/QĐ-UB ngày 04/11/2004 của Ủy ban nhân dân quận T). Năm 2005 ông Võ Văn Th tặng cho nhà và đất trên cho ông Võ Quốc L, bà Nguyễn Vũ T theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) số 11631 ngày 21/11/2005 của Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh (cập nhật nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý trên trang 04 giấy chứng nhận ngày 28/12/2005 giữa ông Th và ông L, bà T. Ủy ban nhân dân quận T xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1815/2019/DSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng các Điều 123, 127, khoản 1 Điều 407, Điều 457, Điều 459 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quốc L và bà Nguyễn Vũ T về việc yêu cầu bị đơn giao trả nhà, đất tại địa chỉ số 28 Đường H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn Th.

Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) số 11631 lập ngày 21/11/2005 tại phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh giữa bên tặng cho là ông Võ Văn Th và bên được tặng cho là ông Võ Quốc L, bà Nguyễn Vũ T.

Hủy phần cập nhật biến động sang tên cho Võ Quốc L và Nguyễn Vũ T ngày 28/12/2005 tại mục IV của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC620882, số vào sổ H00014 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 29/9/2005.

Ông Th có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; Về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2019, ông Nguyễn Tiến H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Quốc L và bà Nguyễn Vũ T có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Bùi Duy Kh đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Quốc L và bà Nguyễn Vũ T giữ nguyên kháng cáo.

Bị đơn ông Th, bà H không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn vì ông Th bị lừa dối ký tên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Th không đồng ý kháng cáo nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th đề nghị xem xét bác kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung: Về kháng cáo của nguyên đơn đề nghị tòa án phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng do nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ đủ để chứng minh yêu cầu của mình, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông L và bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguồn gốc căn nhà và đất tại số 28 (số cũ 87C) H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là của ông Th mua theo Quyết định số 59/QĐ-UB ngày 04/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T. Ngày 29/9/2005 ông Th được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên đơn khai: Ngày 21/11/2005 ông Th lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông L, bà T tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh đối với căn nhà số 28 H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2017 do nhà đã bị hư hỏng nên vợ chồng ông có ý định sửa lại nhà thì ông Th yêu cầu phải giao cho ông 02 tỷ đồng, ông L không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Nay ông L và bà T yêu cầu ông Th và bà H giao trả nhà để ông L sửa chữa lại nhà. Ông L đồng ý hỗ trợ cho ông Th số tiền 4.000.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn khai: Sau khi tặng cho nhà và đất, ông Th về tại xã Ph, huyện L, tỉnh Đồng Nai sinh sống, vợ chồng ông L và bà T chu cấp tiền cho ông Th hàng tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Đến năm 2017 ông L làm thủ tục xin phép xây dựng nhà thì ông Th yêu cầu ông L cho 02 tỷ đồng, ông L không đồng ý nên ông Th quay trở về căn nhà số 28 và cùng với bà H không chịu giao nhà cho vợ chồng ông L.

Xét việc lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Th với vợ chồng ông L, bà T xác lập ngày 21/11/2005 thời điểm Bộ luật dân sự năm 1995 và Luật đất đai năm 2003 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 1995 và Luật đất đai năm 2003 để giải quyết.

Căn cứ Điều 464 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: “*Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền và phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu. Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký; nếu bất động sản không phải đăng ký quyền sở hữu, thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm nhận tài sản*”. Tại Điều 106 Luật đất đai năm 2003 quy định người sử dụng đất được thực hiện quyền tặng cho quyền sử dụng đất khi có các điều kiện: “*Người sử dụng đất được thực hiện các quyền tặng cho quyền sử dụng đất... khi có các điều kiện sau đây: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đất không có tranh chấp; Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án; Trong thời hạn sử dụng đất*”. Về thủ tục đăng ký tặng cho quyền sử dụng đất được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 129 Luật đất đai: “*Thủ tục đăng ký tặng cho quyền sử dụng đất gồm văn bản cam kết tặng cho hoặc hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; văn bản cam kết tặng cho hoặc hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất phải có chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thì trên nơi có đất hoặc chứng nhận của công chứng nhà nước*”.

Đối chiếu với quy định của pháp luật thì việc ông L thực hiện việc tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L là phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai, có cơ sở xác định việc ông Th tặng cho quyền sử dụng đất cho ông L, bà T có hiệu lực kể từ thời điểm ông L, bà T được Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý trên trang 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/12/2005.

Ông Võ Văn Th cho rằng vì muốn giúp ông L là con ruột của ông có điều kiện để vay vốn ngân hàng làm ăn nên ông có đến Phòng công chứng số 3 để ký văn bản cho ông L mượn tài sản là nhà và đất tại số 28 H, nhưng sau đó ông Th bị Phòng công chứng số 3 và ông L lừa dối nên ông Th ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 21/11/2005 cho ông L, bà T.

Xét lời trình bày của ông Th cho rằng bị lừa dối nên ký hợp đồng tặng cho nhà và đất cho ông L và bà T là chưa đủ căn cứ để chấp nhận. Bởi vì: Tại Văn bản của phòng Công chứng số 3 đã xác định: Việc chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) số 11631 ngày 21/11/2005 giữa ông Võ Văn Th và ông Võ Quốc L, bà Nguyễn Vũ T là hoàn toàn đúng với trình tự, thủ tục luật định. Khi đương sự ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có đầy đủ các giấy tờ xuất trình tại thời điểm ký kết.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Th không xuất trình được chứng cứ nào cho rằng bị lừa dối ký văn bản tặng cho quyền sử dụng đất. Xét thấy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên là hợp đồng không có điều kiện và mặc dù hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không ghi điều kiện nhưng sau khi

nhận tặng cho quyền sử dụng đất ông L có chu cấp tiền cho ông Th sinh sống và được ông Th thừa nhận rằng: “Sau khi lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì ông giao giấy tờ nhà đất cho ông L quản lý và hàng tháng ông cũng có nhận tiền chu cấp của ông L đến năm 2017 khi phát sinh tranh chấp mới không nhận tiền nữa”.

Do đó, xét yêu cầu kháng cáo của ông L và bà T yêu cầu ông Th, bà H giao trả căn nhà và đất tại số 28 H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 11631 ngày 21/11/2005 giữa ông Võ Văn Th và ông Võ Quốc L, bà Nguyễn Vũ T là có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông L và bà T đồng ý hỗ trợ cho ông Th và bà H số tiền 06 tỉ đồng để tạo điều kiện cho ông Th và bà H có nơi ở khác, ông Th yêu cầu ông L hỗ trợ 7 tỉ đồng, nhưng ông L không đồng ý. Xét thấy sự tự nguyện của ông L và bà T là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên.

Xét hiện trạng căn nhà và đất tại địa chỉ số 28 H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 164,44m² diện tích xây dựng 131,74m² diện tích sử dụng 115,84m². Hiện trạng hiện nay diện tích đã được xây dựng và sử dụng hết, không còn đất trống. Ông Võ Văn Th khai sau khi phát sinh tranh chấp, ông Th và bà H có sửa chữa nhà coi nói thêm, ngăn phòng, lợp tôn. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Th khai ông Th và bà H có sửa tổng chi phí sửa chữa khoảng 430.000.000 đồng.

Ông L không khiếu nại và yêu cầu định giá phần chi phí sửa chữa. Nên chấp nhận ý kiến của ông Th và bà H đã khai về chi phí sửa chữa nhà, buộc ông L và bà T có trách nhiệm trả lại cho ông Th chi phí sửa chữa nhà bằng số tiền 430.000.000 đồng là có căn cứ.

Do đó, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Th, bà H có trách nhiệm giao trả cho ông L, bà T căn nhà và đất tại số 28 H, khu phố 3, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Th và bà H được quyền lưu cư thời gian là 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự được xác định lại: Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng xét ông Th là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông L và bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí định giá, đo vẽ không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Quốc L và bà Nguyễn Vũ T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1815/2019/DSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng các Điều 123, Điều 127, khoản 1 Điều 407, Điều 457, Điều 459 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quốc L và bà Nguyễn Vũ T về việc yêu cầu bị đơn giao trả nhà, đất tại địa chỉ số 28 Đường H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc ông Võ Văn Th và bà Võ Nguyễn Kim H có trách nhiệm giao trả cho ông L, bà T căn nhà và đất tại số 28 Đường H, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Võ Văn Th và bà Võ Nguyễn Kim H được quyền lưu cư thời gian là 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Buộc ông Võ Quốc L và bà Nguyễn Vũ T có trách nhiệm trả lại cho ông Th, bà H chi phí sửa chữa nhà bằng số tiền 430.000.000 đồng.

4. Công nhận sự tự nguyện của Võ Quốc L và bà Nguyễn Vũ T về việc hỗ trợ cho ông Th và bà H số tiền 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)

5. Về án phí:

Ông L, bà T không nộp án phí dân sự sơ thẩm. Được hoàn lại 300.000 đồng ông L, bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0038442 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Th.

Nguyên đơn ông Võ Quốc L và bà Nguyễn Vũ T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông L và bà T số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (do đại diện hợp pháp nộp thay) theo biên lai thu số 0045390 ngày 06/01/2020 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Các quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí định giá, đo vẽ không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự (3)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thanh Duyên